



# CHUYỂN ĐỔI SINH KẾ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

TRƯƠNG THỊ MỸ NHÂN

*Biến đổi khí hậu, hiểm họa thiên nhiên, mất an ninh lương thực, đói nghèo, sự thiếu hụt về nguồn nước, thách thức trước việc diện tích đất ngày càng thu hẹp, hay bất bình đẳng giới đã và đang làm gia tăng các rủi ro sinh kế, đặc biệt là sinh kế nông nghiệp của người dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Một trong những giải pháp hạn chế những thách thức do biến đổi khí hậu mang lại giúp ổn định đời sống của người dân là chuyển đổi sinh kế nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu. Từ kết quả điều tra 968 hộ gia đình về những tác động của biến đổi khí hậu đến sinh kế, những hoạt động chuyển đổi sinh kế, bài viết phân tích và gợi ý một số giải pháp nhằm thúc đẩy quá trình chuyển đổi sinh kế thích ứng với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long theo hướng bền vững.*

Từ khoá: Biến đổi khí hậu, chuyển đổi sinh kế, Đồng bằng sông Cửu Long

## LIVELIHOOD CONVERSION TO ADAPT TO CLIMATE CHANGE IN THE MEKONG RIVER DELTA

Trương Thị Mỹ Nhân

*Climate change, natural disasters, food insecurity, poverty, water shortages, the challenge of shrinking land, or gender inequality have increased livelihood risks, especially agricultural livelihoods of people in the Mekong River Delta. One of the measures to limit the impact of climate change and help stabilize people's lives is adaptive conversion of agricultural livelihoods. From the results of a survey of 968 households on the impacts of climate change on livelihoods, livelihood conversion activities, the article analyzes and suggests solutions to promote the process of sustainable livelihood conversion to adapt to climate change in the Mekong River Delta.*

Keywords: Climate change, livelihood conversion, Mekong River Delta

Ngày nhận bài: 14/11/2022

Ngày hoàn thiện biên tập: 28/11/2022

Ngày duyệt đăng: 7/12/2022

## Đặt vấn đề

Chuyển đổi sinh kế có thể hiểu là việc tổ chức lại các hoạt động sinh kế, thay đổi phương thức hoặc chiến lược sinh kế, đa dạng hoá sinh kế dựa trên những nguồn lực sinh kế đã có nhằm tạo ra kết quả sinh kế bền vững hơn, có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu (BĐKH). Điều này đồng nghĩa với việc hình thành sinh kế nông nghiệp có khả năng

chống đỡ, thích nghi và thúc đẩy khả năng phục hồi và nâng cao năng lực thích ứng với BĐKH, năng lực tiếp cận các nguồn vốn sinh kế, năng lực lựa chọn và chuyển đổi sinh kế, kết quả sinh kế.

Lý thuyết cũng như thực tiễn chuyển đổi sinh kế của nhiều quốc gia/vùng lãnh thổ cho thấy, việc chuyển đổi sinh kế có khả năng tạo ra năng lực và chất lượng sinh kế tốt hơn so với trước đây, song phải đi kèm với sự thay đổi, định hướng của chính sách cũng như các hỗ trợ về nguồn lực sinh kế (từ tài chính, khoa học công nghệ, giáo dục).

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) bao gồm 12 tỉnh và một thành phố trực thuộc Trung ương. ĐBSCL có lợi thế phát triển nông nghiệp, thủy hải sản, trái cây nhiệt đới lớn nhất Việt Nam, đồng thời là vùng đất đa tôn giáo, đa dân tộc với những nét văn hoá đa dạng, có vị trí chiến lược quan trọng, cửa ngõ tiếp giáp với Campuchia. Hiện nay, ĐBSCL đang phải đối mặt với những ảnh hưởng lớn của BĐKH và sự biến đổi của dòng sông Mekong, gây hạn mặn, lũ lụt, nước biển dâng và các hiện tượng thời tiết khí hậu cực đoan ảnh hưởng đến đất đai, sản lượng nông nghiệp và sinh kế của người dân.

Phát triển bền vững ĐBSCL, thích ứng với biến đổi khí hậu được Đảng, Nhà nước quan tâm chỉ đạo, với nhiều chủ trương, chính sách phát triển để phát huy tiềm năng, lợi thế tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội của vùng như: Quy hoạch phát triển vùng ĐBSCL giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050; Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025 và định hướng đến năm 2030; Chương trình tổng thể phát triển nông nghiệp bền vững thích ứng với BĐKH vùng ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045... Gần đây

nhất là Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 2/4/2022 của Bộ Chính trị (khoá XIII) về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng, an ninh vùng ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Nghị quyết đã tạo ra bước đột phá mới trong việc phát huy vai trò, vị trí quan trọng, đặc biệt là khai thác có hiệu quả hơn tiềm năng lợi thế phát triển to lớn của ĐBSCL trong thời kỳ mới, trong đó tạo điều kiện để chuyển đổi sinh kế hiệu quả hơn.

**Câu hỏi và phương pháp nghiên cứu**

Câu hỏi nghiên cứu đặt ra là những thách thức sinh kế và hoạt động chuyển đổi sinh kế nông nghiệp thích ứng với BĐKH của hộ gia đình ở vùng ĐBSCL. Để trả lời câu hỏi này, nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra xã hội học với bảng hỏi bán cấu trúc với nhóm đối tượng thụ hưởng chính sách là hộ gia đình nông dân làm nghề trồng trọt, nuôi trồng thủy sản ở ĐBSCL.

Cuộc điều tra được thực hiện trên nhóm mẫu là 968 hộ gia đình. Thời gian thực hiện là 3 tháng (4/2021-7/2021) (tại TP. Cần Thơ, Sóc Trăng và Tiền Giang).

Số liệu được nhập, làm sạch và xử lý bằng phần mềm SPSS, phương pháp mô tả thống kê kết hợp với phương pháp phân tích thực tiễn được sử dụng chủ yếu trong khi đánh giá những thách thức sinh kế và hiệu quả của các hoạt động chuyển đổi sinh kế nông nghiệp thích ứng với BĐKH.

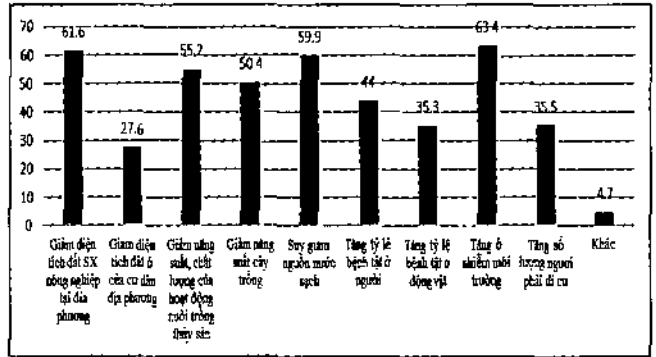
**Thảo luận và kết quả**

**Mô tả mẫu khảo sát**

*Nhóm hộ gia đình.*

Nhóm nghiên cứu điều tra, lấy ý kiến khảo sát 968 hộ gia đình đang sinh sống tại một số huyện/phường thuộc TP. Cần Thơ, Sóc Trăng và Tiền Giang. Đây là những địa phương/khu vực chịu ảnh

**HÌNH 2: TÁC ĐỘNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU ĐẾN SINH KẾ CỦA NGƯỜI DÂN ĐBSCL**



Nguồn: Nhóm nghiên cứu

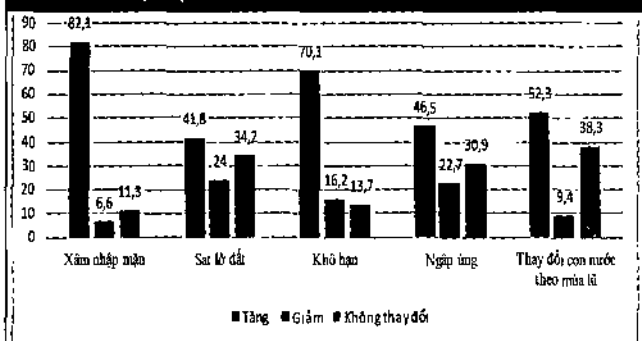
hưởng lớn của BĐKH và có những mô hình sinh kế điển hình (như cánh đồng mẫu lớn, nuôi thủy sản đa tầng, mô hình cam năng suất cao...) có khả năng thích ứng với BĐKH với độ tuổi từ 18 - 60 (độ tuổi 31-50 chiếm tỷ lệ cao nhất 34,9%); Trong đó, số hộ có nhân khẩu cao nhất là 11 người, thấp nhất là 1 người. Chủ hộ chủ yếu là nam (chiếm 82,1%). Hiện nay, tỷ lệ hộ trồng trọt chiếm tỷ trọng cao nhất (33,3%), dịch vụ nông nghiệp (31,1%) và nghề chăn nuôi và thủy sản chỉ chiếm lần lượt là 13,3% và 14,7%; số hộ làm từ 2 nghề trở lên chiếm 7,6%. Cơ cấu ngành nghề như vậy đảm bảo độ chân thực của điều tra.

*Nhóm cán bộ chính sách ở các bộ/ngành trung ương và địa phương.*

Nghiên cứu lấy ý kiến của 232 cán bộ đến từ các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Ngân hàng Nhà nước, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và cán bộ địa phương nơi đến khảo sát với tỷ lệ 66,2% cán bộ nam, 33,8% cán bộ nữ có độ tuổi từ 26-60; Trong đó, độ tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất là từ 31-40 tuổi (chiếm 67,6%). Trình độ học vấn của cán bộ tham gia trả lời khá cao, khoảng gần 1/3 có trình độ trên Đại học (chiếm 32,7%), 2/3 số ý kiến cho biết họ có trình độ Đại học (62,2%) với 56,9% làm công tác chuyên môn và 43,1% giữ vị trí lãnh đạo quản lý. Với tỷ lệ khá cân bằng trên sẽ cung cấp cái nhìn đa chiều, khách quan về hiệu quả của các chính sách hỗ trợ sinh kế thích ứng với BĐKH. Cán bộ tham gia khảo sát phần lớn làm việc trong lĩnh vực lao động, việc làm, an sinh xã hội (chiếm 32%) và nông nghiệp (chiếm 28,9%).

Gần 1/2 cán bộ được khảo sát công tác tại cấp tỉnh (46,2%). Số cán bộ cấp huyện/quận chiếm 34,7%. Số cán bộ cấp xã/phường và cấp Trung ương lần lượt là 12,3% và 6,8%. Xét về khối cơ quan công tác, cán bộ công tác khối Đảng chiếm 17,4%; khối chính quyền chiếm tỷ lệ cao nhất với 61,6%; khối đoàn thể

**HÌNH 1: NHỮNG THAY ĐỔI CỦA KHÍ HẬU/THỜI TIẾT TẠI ĐỊA PHƯƠNG TRONG THỜI GIAN QUA**



Nguồn: Nghiên cứu của tác giả

chiếm 18,7%. Có 2,3% các cán bộ công tác ở nhiều hơn một khối.

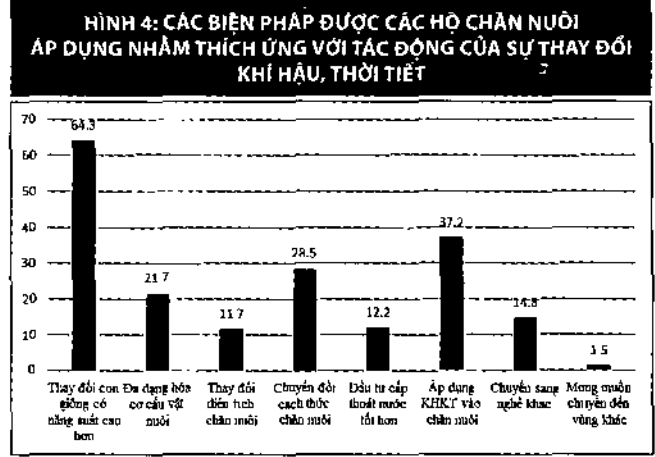
**Kết quả chuyển đổi sinh kế thích ứng biến đổi khí hậu**

Thứ nhất, BĐKH diễn biến khó lường thể hiện qua sự biến thiên của thời tiết, khí hậu cực đoan.

Số liệu khảo sát cho thấy, BĐKH ở vùng ĐBSCL đã và đang diễn biến khá phức tạp, gần 1/2 đến hơn 4/5 ý kiến được hỏi cho biết họ cảm nhận những hiện tượng bất thường tăng lên trong thời gian qua. Trong đó, mức đánh giá tăng lên cao nhất thuộc về xâm nhập mặn, với 82,1%; khô hạn chiếm vị trí thứ hai, với 70,1%, các nội dung còn lại như thay đổi con nước theo mùa lũ, ngập úng, sạt lở đất có tỷ lệ đánh giá tăng lên trong thời gian qua đều rất cao, lần lượt là 52,3%; 46,5% và 41,8%. Tuy nhiên, vẫn có sự khác biệt trong tỷ lệ người được hỏi đánh giá mức độ tăng lên cũng như không thay đổi ở từng hiện tượng thời tiết khí hậu cực đoan. Hơn nữa, mặc dù xu thế đánh giá tăng lên hoặc không thay đổi là phổ biến, song vẫn có một tỷ lệ nhất định người được hỏi cho rằng, các vấn đề này tại địa phương có sự giảm sút gần đây. Tỷ lệ đánh giá giảm đi cao nhất ở hai nội dung gồm sạt lở đất và ngập úng với các giá trị tương ứng là 24% và 22,7%. Tỷ lệ này cho thấy, tình trạng khô hạn giảm đi là 16,2%. Các số liệu còn lại lần lượt là 9,4% với thay đổi con nước theo mùa lũ và 6,6% cho xâm nhập mặn.

Thứ hai, BĐKH tạo ra những thách thức sinh kế cho người dân vùng ĐBSCL, làm cho sinh kế dựa vào nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản dễ bị tổn thương hơn; làm gia tăng các hiểm họa thiên nhiên ảnh hưởng đến an ninh lương thực, gia tăng nghèo đói, di cư ra khỏi vùng; khan hiếm nước, thiếu đất trồng trọt.

Thứ ba, người dân ở vùng ĐBSCL nhận thức khá rõ về các tác động của BĐKH và chủ động chuyển



Nguồn: Nhóm nghiên cứu (2021)

đổi sinh kế. Nhiều mô hình sinh kế đã mang lại thu nhập cao cho người dân như mô hình lúa cá tôm, mô hình trồng măng cầu xiêm, mô hình lúa cá sen...

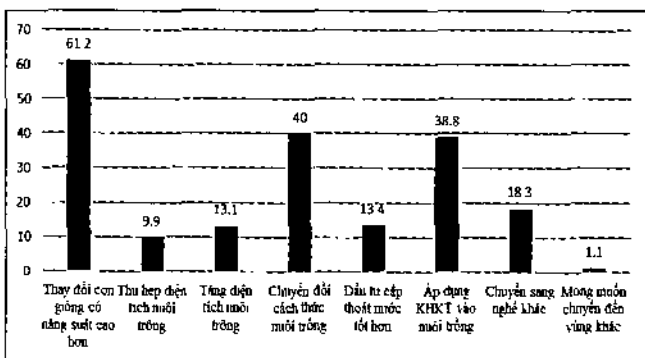
Để ứng phó với diễn biến ngày càng khốc liệt của BĐKH làm suy giảm diện tích cây trồng, giảm năng suất chất lượng, từ đó làm giảm thu nhập của người dân, các hộ trồng trọt đã có nhiều biện pháp ứng phó bằng cách chuyển đổi sinh kế, tuy nhiên mức đồng ý chuyển đổi của khí hậu, thời tiết (61,4%); thay đổi biện pháp canh tác (46,2%); áp dụng khoa học kỹ thuật vào trồng trọt (33,4%)... Bên cạnh đó, một số biện pháp có tỷ lệ xác nhận sử dụng thấp hơn, như đầu tư hệ thống tưới tiêu tốt hơn (20,9%); chuyển sang nghề khác (19,3%). Biện pháp thu hẹp diện tích canh tác có tỷ lệ lựa chọn rất thấp, với 7,7%. Đặc biệt, phương án mong muốn chuyển sang vùng khác chỉ nhận được 0,5 lựa chọn.

Tuy có những khó khăn trong quá trình sản xuất do tác động của BĐKH, song các hộ gia đình đều có những động thái tích cực, nhằm tiếp tục duy trì hoạt động sản xuất, thể hiện là các biện pháp thu hẹp diện tích sản xuất hoặc mong muốn chuyển sang khu vực khác sinh sống... ít được các nông hộ lựa chọn, chẳng hạn, chỉ 7,7% hộ sử dụng biện pháp thu hẹp diện tích trồng trọt; 0,5% ý kiến cho biết họ có mong muốn chuyển đến vùng khác. Dữ liệu phần nào phản ánh sự tích cực, chủ động của người dân địa phương làm nghề trồng trọt trong ứng phó với BĐKH.

Bên cạnh các hộ trồng trọt, các hộ nuôi trồng thủy sản cũng áp dụng nhiều biện pháp thích ứng và mang lại kết quả tốt hơn so với trước (Hình 3).

Các hộ nuôi trồng thủy sản đã sử dụng rất nhiều biện pháp để chủ động ứng phó với BĐKH. Căn cứ vào tỷ lệ xác nhận có sử dụng, có thể tạm chia thành 2

**HÌNH 3: CÁC BIỆN PHÁP ĐƯỢC CÁC HỘ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN ÁP DỤNG NHẪM THÍCH ỨNG VỚI TÁC ĐỘNG CỦA SỰ THAY ĐỔI KHÍ HẬU, THỜI TIẾT**



Nguồn: Nhóm nghiên cứu (2021)

nhóm: (1) Nhóm các biện pháp có tỷ lệ nông hộ sử dụng cao, gồm thay đổi con giống có năng suất cao hơn (61,2%); chuyển đổi cách thức nuôi trồng (40,0%) và áp dụng khoa học kỹ thuật vào nuôi trồng (38,8%); (2) Nhóm các biện pháp có tỷ lệ nông hộ xác nhận ít sử dụng gồm chuyển sang nghề khác (18,3%); đầu tư hệ thống cấp thoát nước tốt hơn (13,4%); tăng diện tích nuôi trồng (13,1%); và thu hẹp diện tích nuôi trồng (9,9%). Đặc biệt, có rất ít người lựa chọn phương án mong muốn chuyển đến cư trú tại khu vực khác (1,1%). Tuy có tỷ lệ lựa chọn cao, thấp khác nhau, song dữ liệu cho thấy những cách thức ứng phó hết sức linh hoạt của người dân trước tình hình BĐKH.

Các hộ chăn nuôi đã có những biện pháp linh hoạt, đa dạng để thích ứng với BĐKH. Tuy nhiên, mức độ sử dụng các biện pháp có sự khác biệt rất rõ nét. Biện pháp được xấp xỉ 2/3 nông hộ sử dụng là thay đổi con giống có năng suất cao hơn (64,3%). Đây là biện pháp phù hợp với quy mô sản xuất trong các gia đình. Tuy xếp vị trí thứ hai song có tỷ lệ đồng tình thấp hơn khá nhiều so với biện pháp thay đổi con giống có năng suất cao hơn, biện pháp áp dụng khoa học kỹ thuật vào chăn nuôi được 37,2% ý kiến tán đồng. Một số biện pháp khác có tỷ lệ sử dụng thấp hơn hẳn, như chuyển đổi cách thức chăn nuôi (28,5%); đa dạng hóa cơ cấu vật nuôi (21,7%); chuyển sang nghề khác (14,8%); đầu tư cấp thoát nước tốt hơn (12,2%); thay đổi diện tích chăn nuôi (11,7%) hoặc mong muốn chuyển đến vùng khác (1,5%). Dữ liệu cho thấy, nông hộ chăn nuôi tuy có nhiều biện pháp ứng phó với BĐKH song mức độ áp dụng các biện pháp này lại chưa nhiều.

Dự định chuyển nghề hoặc chuyển sang nơi khác sinh sống đã xuất hiện trong khoảng 16,3% nông hộ chăn nuôi. Trong khi các biện pháp khác như đa dạng hóa cơ cấu vật nuôi, hoặc đầu tư cấp thoát nước... lại chưa được nhiều nông hộ sử dụng. Số liệu phần nào phản ánh nông hộ chăn nuôi vẫn còn khá thụ động trong việc thích ứng với BĐKH trong thời gian qua.

Thứ tư, các mô hình sinh kế cũng bước đầu chứng minh được tính hiệu quả về kinh tế, xã hội và môi trường.

Về góc độ kinh tế và xã hội, các mô hình đã góp phần gia tăng thu nhập, mở rộng sản xuất và cải thiện sinh kế cho người dân. Đồng thời, các mô hình đã và đang mở rộng sự lựa chọn nghề nghiệp, giải quyết việc làm, thu hút đông đảo đội ngũ lao động ở các địa phương tham gia sản xuất. Đặc biệt, các mô hình, dự án chú trọng tới các đối tượng dễ bị tổn thương, nhóm người nghèo (là nhóm đối tượng chịu tổn thương nhất dưới tác động của các hiện tượng bất lợi từ BĐKH). Thông qua các chính sách hỗ trợ tập trung vào các nhóm yếu thế trên, các mô

hình đã khuyến khích và tạo nhiều cơ hội để họ tham gia mở rộng sản xuất, nâng cao sinh kế.

Thứ năm, chuyển đổi sinh kế đã mang lại thu nhập cao hơn cho người dân trong vùng.

Thu nhập bình quân của hộ gia đình có xu hướng tăng lên từ 5 nguồn từ nguồn thu nhập chính, từ trồng trọt, từ chăn nuôi, từ nuôi trồng thủy sản và từ nguồn khác, tương ứng với nghề nghiệp của nông hộ. Một số nông hộ có tới 2, thậm chí là 3 nguồn thu. Điều đó phần nào cho thấy chất lượng cuộc sống của người dân khảo sát đã được nâng lên khá rõ nét trong thời gian qua; đồng thời, cũng thể hiện sự đa dạng hóa nghề nghiệp, đa dạng hóa nguồn thu nhập của nông hộ tại địa bàn khảo sát.

### Kết luận

Bàn về chuyển đổi sinh kế của người dân vùng ĐBSCL nhằm thích ứng với BĐKH cho thấy:

- Các hộ gia đình phụ thuộc vào ngành nghề sản xuất của mình để chủ động lựa chọn cách thức chuyển đổi phù hợp.

- Chuyển đổi sinh kế bước đầu mang lại những kết quả tích cực, thể hiện thông qua thu nhập và hạn chế tác động của BĐKH đến sinh kế của người dân. Hình thành nhiều mô hình sinh kế có khả năng thích ứng với BĐKH.

- Chính sách hỗ trợ sinh kế của Nhà nước đối với người dân đã tạo ra nhiều lực đẩy cho việc chuyển đổi sinh kế trong Vùng.

### Tài liệu tham khảo:

1. Báo cáo kết quả khảo sát cán bộ và hộ gia đình về mô hình sinh kế thích ứng với biến đổi khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long của Nhóm nghiên cứu năm 2021;
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2021), Báo cáo quốc gia về tiến độ 5 năm thực hiện mục tiêu phát triển bền vững;
3. Bộ Lao động, Thương binh và xã hội (2020), Điều tra về mức sống dân cư năm 2020;
4. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2021), Kỳ yếu hội nghị lần thứ 3 về phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long. NXB Dân trí, Hà Nội tháng 3/2017, tr.7;
5. Đảng cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. NXB Chính trị quốc gia - Sự thật;
6. Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 2/4/2022 của Bộ Chính trị khóa XIII về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng Sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
7. Ashley, Caroline, and Diana Carrney. 1999, *Sustainable Livelihoods: Lessons from Early Experience*. London: Department for International Development.

### Thông tin về tác giả

TS. Trương Thị Mỹ Nhân - Viện Kinh tế, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh  
Email: truongmyphan76@gmail.com